

Bản án số: 56/2017/KDTM-PT

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

“V/v tranh chấp giữa người chưa là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty”

### **NHÂN DANH**

## **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:*

- Ông Đặng An Thanh

- Bà Huỳnh Thanh Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 664/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 803/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Quý N, sinh năm 1993 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 154 Trương Công Định, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1992; ĐKTT: Xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú 162/24

Đường 4/2, Khu 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2017 – BL 19, 20) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Phương L1, sinh năm 1985 – Có mặt.

Địa chỉ: 041 Lô A, chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú 01 G Chung cư ABC, 132 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần E. Địa chỉ: Số 517/14 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Phương L1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần E – Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hà Thị Quý N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2016 của nguyên đơn bà Hà Thị Quý N và các lời khai tiếp theo của ông Trần Văn K đại diện cho bà Hà Thị Quý N trình bày:*

Vào ngày 02/5/2016, bà Hà Thị Quý N và bà Nguyễn Phương L1 ký hợp đồng số 01/052016/HĐ\_CNCP với nội dung bà Nguyễn Phương L1 đang sở hữu 318.500 cổ phần trị giá 3.185.000.000 đồng, chiếm 65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần E. Bà Hà Thị Quý N nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Phương L1 49.000 cổ phần và thỏa thuận giá chuyển nhượng 49.000 cổ phần là 200.000.000 đồng. Bà Hà Thị Quý N đã thanh toán đủ tiền cho bà Nguyễn Phương L1. Sau đó, bà Hà Thị Quý N tìm hiểu thì được xác nhận rằng bà Nguyễn Phương L1 không có đủ thẩm quyền để chuyển nhượng số cổ phần và không đúng số cổ phần thực tế mà bà Nguyễn Phương L1 đang sở hữu. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần E thể hiện các cổ đông sáng lập gồm bà Nguyễn Phương L1 40% cổ phần, Nguyễn Kinh L2 30% cổ phần và Nguyễn Duy Thiên A 30% cổ phần. Nếu bà Nguyễn Phương L1 sở hữu số cổ phần tương ứng 65% vốn điều lệ công ty, thì bà Nguyễn Phương L1 phải chứng minh bà đã nhận chuyển nhượng cổ phần của các thành viên còn lại và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông phải được điều chỉnh, nhưng trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bà Hà Thị Quý N trích lục tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì số cổ phần của các cổ đông vẫn giữ nguyên.

Thứ hai: Cùng ngày 02/5/2016, bà Hà Thị Quý N cũng đồng thời nhận chuyển nhượng cổ phần của ông Nguyễn Văn T thể hiện ông Nguyễn Văn T sở hữu số cổ phần chiếm 35% vốn điều lệ của công ty. Như vậy, bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T sở hữu số cổ phần bằng 100% vốn điều lệ công ty. Theo quy định của pháp luật thì công ty Cổ phần phải có tối thiểu 03 cổ đông, như vậy bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật.

Từ các lý do trên, bà Hà Thị Quý N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc bà Nguyễn Phương L1 trả lại cho bà số tiền đã nhận là 200.000.000 đồng.

*Tại bản tường trình ngày 04/4/2017 và các lời khai tiếp theo của bị đơn bà Nguyễn Phương L1 trình bày:*

Công ty Cổ phần E thành lập với 03 thành viên sáng lập là Nguyễn Phương L1 (nắm giữ 40% cổ phần), Nguyễn Kinh L2 (nắm giữ 30% cổ phần) và Nguyễn Duy Thiên A (nắm giữ 30% cổ phần).

Ngày 03/3/2016 theo quyết định của đại hội cổ đông đồng ý cho: Ông Nguyễn Kinh L2 chuyển nhượng 122.500 cổ phần (25%) cho bà Nguyễn Phương L1 và chuyển nhượng 24.500 cổ phần (5%) cho ông Nguyễn Văn T; Ông Nguyễn Duy Thiên A chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho bà Nguyễn Thị Kim H và chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho ông Nguyễn Văn T.

Sau khi chuyển nhượng thì danh sách cổ đông như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 318.500 cổ phần (65%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 98.000 cổ phần (20%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Đồng thời quyết định chuyển trụ sở chính của công ty đến trụ sở mới tại 517/14 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có làm thủ tục đăng ký việc thay đổi về cổ đông và trụ sở chính. Đến ngày 09/3/2016 nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất không cập nhật thay đổi cổ đông và được giải thích là năm 2016 không cập nhật thay đổi cổ đông nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư có ghi nhận trên hệ thống.

Ngày 02/5/2016, bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T có chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N, được thông qua tại Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 24/4/2016. Sau khi chuyển nhượng thì cổ đông công ty có tỷ lệ góp vốn như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 269.500 cổ phần (55%), Bà Hà Thị Quý N nắm giữ 73.500 cổ phần (15%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 73.500 cổ phần (15%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Theo yêu cầu của bà Hà Thị Quý N, Công ty cử kế toán làm thủ tục thay đổi cổ đông, nhưng kế toán của Công ty giải thích không cần cập nhật đối với cổ đông không

phải là thành viên sáng lập công ty, chỉ cần làm giấy xác nhận cổ phần do Công ty xác nhận cho cổ đông và quản lý danh sách cổ đông tại Công ty là được. Dích thân bà Nguyễn Phương L1 đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi rõ một lần nữa thì cũng được trả lời chỉ cần đăng ký thay đổi tỷ lệ cổ phần giảm (không thay đổi tỷ lệ cổ phần tăng) của cổ đông sáng lập, nên khi nhận được Giấy xác nhận về thay đổi nội dung đăng ký Doanh nghiệp ngày 03/3/2017 cũng chỉ xác nhận thay đổi tỷ lệ cổ phần của cổ đông sáng lập của bà Nguyễn Phương L1 là 40% (dù thực tế là 55%), Nguyễn Kinh L2 0% và Nguyễn Duy Thiên A 0%.

Có thể bà Hà Thị Quý N đã hiểu sai về quy định của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, bà Nguyễn Phương L1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Quý N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần E do bà Nguyễn Phương L1 đại diện trình bày:* Việc chuyển nhượng cổ phần giữa bà Nguyễn Phương L1 với bà Hà Thị Quý N là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 664/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm b, khoản 1, Điều 100; Điều 221; khoản 1, 2 Điều 126 Luật Doanh nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Quý N về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc bà Nguyễn Phương L1 trả lại cho bà 200.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2017, nguyên đơn bà Hà Thị Quý N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc bà Nguyễn Phương L1 trả lại cho bà 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Trần Văn K đại diện cho bà Hà Thị Quý N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xem xét theo xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L1 chỉ có 40% cổ phần, không phải là 65% cổ phần như bà L1 đã xác định trong hợp đồng số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016. Theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì bà L1 sở hữu 65% cổ phần, ông T sở hữu 35% cổ

phần. Như vậy Công ty Cổ phần E chỉ có 02 thành viên là bà L1 và ông T đã sở hữu 100% cổ phần là trái với quy định của pháp luật là Công ty cổ phần phải có tối thiểu 03 thành viên. Bà N đã mua cổ phần nhưng không được ghi tên vào danh sách thành viên của Công ty Cổ phần E. Do đó, đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc bà Nguyễn Phương L1 trả lại cho bà N số tiền 200.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Phương L1 không đồng ý kháng cáo của bà Hà Thị Quý N và đề nghị bác kháng cáo của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bà N còn trong hạn luật định nên đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 51 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có sự thay đổi cổ đông sáng lập. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện việc thay đổi của Công ty Cổ phần E đều được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, bà N không phải là cổ đông sáng lập nên không có tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty là đúng quy định của pháp luật. Vào thời điểm chuyển nhượng cổ phần cho bà N, bà L1 là chủ sở hữu 65% cổ phần của Công ty và việc chuyển nhượng được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Do đó, kháng cáo của bà N không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bà Hà Thị Quý N còn trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết phúc thẩm.

[2] Công ty Cổ phần E được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 07/11/2014 với 03 thành viên sáng lập là Nguyễn Phương L1 sở hữu 196.000 cổ phần (chiếm 40% vốn điều lệ); Nguyễn Kinh L2 và Nguyễn Duy Thiên A mỗi người sở hữu 147.000 cổ phần (chiếm 30% vốn điều lệ).

Đại hội đồng cổ đông ngày 03/3/2016 đã đồng ý cho: Ông Nguyễn Kinh L2 chuyển nhượng 122.500 cổ phần (25%) cho bà Nguyễn Phương L1 và chuyển nhượng 24.500 cổ phần (5%) cho ông Nguyễn Văn T; Ông Nguyễn Duy Thiên A chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho bà Nguyễn Thị Kim H và chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho ông Nguyễn Văn T. Các bên có liên quan đã thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần cho nhau theo Nghị quyết của Đại hội

đồng cổ đông ngày 03/3/2016 bằng các hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/3/2016. Sau khi chuyển nhượng thì danh sách cổ đông như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 318.500 cổ phần (65%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 98.000 cổ phần (20%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Tại văn bản ngày 28/4/2016 (Bút lục số 59), bà Nguyễn Thị Kim H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T được quyền đại diện vốn toàn bộ số cổ phần của bà H.

Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2016 đã đồng ý cho bà Nguyễn Phương L1 chuyển nhượng 49.000 cổ phần (chiếm 10% vốn điều lệ) cho bà Hà Thị Quý N. Vào ngày 02/5/2016, bà Nguyễn Phương L1 ký hợp đồng số 01/052016/HĐ\_CNCP chuyển nhượng cho bà Hà Thị Quý N 49.000 cổ phần.

[3] Đối với kháng cáo của bà Hà Thị Quý N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

3.1. Việc chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông sáng lập và giữa cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N (là người không phải là cổ đông sáng lập) đã nêu trên đều được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, đã tuân thủ đúng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 119, Điều 126 Luật Doanh nghiệp. Do vậy, kháng cáo của bà Hà Thị Quý N cho rằng bà Nguyễn Phương L1 không có quyền chuyển nhượng cổ phần là không có căn cứ.

3.2. Xét việc bà Hà Thị Quý N kháng cáo cho rằng vào thời điểm bà Phương L1 chuyển nhượng cổ phần cho bà thì Công ty Cổ phần E chỉ có hai thành viên và bà Phương L1 chuyển nhượng cổ phần cho bà trong khi bà Phương L1 không sở hữu số cổ phần chiếm 65% vốn điều lệ của Công ty. Hội đồng xét xử thấy vào thời điểm bà Nguyễn Phương L1 chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N ngày 02/5/2016 thì Công ty Cổ phần E có ba thành viên là bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 318.500 cổ phần (65%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 98.000 cổ phần (20%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Do vậy, kháng cáo của bà Hà Thị Quý N là không có cơ sở.

3.3. Xét kháng cáo của bà Hà Thị Quý N về việc bà không có tên trong danh sách thành viên của Công ty Cổ phần E. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 51 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có sự thay đổi cổ đông sáng lập. Bà Hà Thị Quý N chỉ là cổ đông của công ty (người nhận chuyển nhượng cổ phần), không phải là cổ đông sáng lập nên không có tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 121 và 126 Luật Doanh nghiệp thì người nhận cổ phần trở thành cổ đông của công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngày 05/5/2016, Công ty Cổ

phần E đã cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho bà Hà Thị Quý N với số lượng 73.500 cổ phần (Do bà Hà Thị Quý N có mua của thành viên sáng lập khác của Công ty với số lượng 24.500 cổ phần), nên việc bà N cho rằng bà không được Công ty Cổ phần E thừa nhận bà là cổ đông của Công ty cũng là không đúng.

Từ các vấn đề đã nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Hà Thị Quý N, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Hà Thị Quý N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 32, 110, 119, 121 và Điều 126 của Luật Doanh nghiệp; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Quý N; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 664/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Hà Thị Quý N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và không chấp nhận yêu cầu buộc bà Nguyễn Phương L1 trả lại cho bà Hà Thị Quý N 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

[3] Buộc bà Hà Thị Quý N phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí bà N đã nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0047021 ngày 27/6/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VP (3), DS (2), (13b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**





